

Bảng thông số sản phẩm

Thông số kỹ thuật



Miniature circuit breaker (MCB),
Acti9 iC60L, 2P, 40A, C curve,
15000A (IEC/EN 60898-1), 20kA
(IEC/EN 60947-2)

A9F94240

Main

Device application	Distribution
Range	Acti9
Product name	Acti9 iC60
Product or component type	Miniature circuit-breaker
Device short name	iC60L
Poles description	2P
Number of protected poles	2
[In] rated current	40 A
Network type	DC AC
Trip unit technology	Thermal-magnetic
Curve code	C
Breaking capacity	15000 A Icn at 400 V AC 50/60 Hz conforming to EN/IEC 60898-1 70 kA Icu at 12...133 V AC 50/60 Hz conforming to EN/IEC 60947-2 15 kA Icu at 440 V AC 50/60 Hz conforming to EN/IEC 60947-2 20 kA Icu at 380...415 V AC 50/60 Hz conforming to EN/IEC 60947-2 15 kA Icu at 220...250 V DC conforming to EN/IEC 60947-2
Utilisation category	Category A conforming to EN 60947-2 Category A conforming to IEC 60947-2
Suitability for isolation	Yes conforming to EN 60898-1 Yes conforming to EN 60947-2 Yes conforming to IEC 60898-1 Yes conforming to IEC 60947-2
Standards	EN 60898-1 EN 60947-2 IEC 60898-1 IEC 60947-2

Complementary

Network frequency	50/60 Hz
Magnetic tripping limit	8 x In +/- 20 %
[Ics] rated service breaking capacity	18 kA 50 % conforming to EN 60947-2 - 220...240 V AC 50/60 Hz 10 kA 50 % conforming to EN 60947-2 - 380...415 V AC 50/60 Hz 7.5 kA 50 % conforming to EN 60947-2 - 440 V AC 50/60 Hz 18 kA 50 % conforming to IEC 60947-2 - 220...240 V AC 50/60 Hz 10 kA 50 % conforming to IEC 60947-2 - 380...415 V AC 50/60 Hz 7.5 kA 50 % conforming to IEC 60947-2 - 440 V AC 50/60 Hz 35 kA 50 % conforming to EN 60947-2 - 12...133 V AC 50/60 Hz 35 kA 50 % conforming to IEC 60947-2 - 12...133 V AC 50/60 Hz 7500 A 50 % conforming to EN 60898-1 - 400 V AC 50/60 Hz 7500 A 50 % conforming to IEC 60898-1 - 400 V AC 50/60 Hz 20 kA 100 % conforming to EN 60947-2 - 72...125 V DC 20 kA 100 % conforming to IEC 60947-2 - 72...125 V DC

Miễn trừ trách nhiệm: Tài liệu này không nhằm thay thế và không được sử dụng để xác định tính phù hợp hoặc độ tin cậy của các sản phẩm này cho các ứng dụng người dùng cụ thể

Limitation class	3 conforming to EN 60898-1 3 conforming to IEC 60898-1
[Ui] rated insulation voltage	500 V AC 50/60 Hz conforming to EN 60947-2 500 V AC 50/60 Hz conforming to IEC 60947-2
[Uimp] rated impulse withstand voltage	6 kV conforming to EN 60947-2 6 kV conforming to IEC 60947-2
Contact position indicator	Yes
Control type	Toggle
Local signalling	Trip indicator
Mounting mode	Fixed
Mounting support	DIN rail
Comb busbar and distribution block compatibility	Top or bottom: YES
9 mm pitches	4
Height	85 mm
Width	36 mm
Depth	78.5 mm
Net weight	0.25 kg
Colour	White
Mechanical durability	20000 cycles
Electrical durability	10000 cycles
Connections - terminals	Single terminal (top or bottom) 1...35 mm² rigid Single terminal (top or bottom) 1...25 mm² flexible
Wire stripping length	14 mm for top or bottom connection
Tightening torque	3.5 N.m top or bottom
Earth-leakage protection	Separate block

Environment

IP degree of protection	IP20 conforming to IEC 60529 IP20 conforming to EN 60529
Pollution degree	3 conforming to EN 60947-2 3 conforming to IEC 60947-2
Overvoltage category	IV
Tropicalisation	2 conforming to IEC 60068-1
Relative humidity	95 % at 55 °C
Operating altitude	0...2000 m
Ambient air temperature for operation	-35...70 °C
Ambient air temperature for storage	-40...85 °C

Packing Units

Unit Type of Package 1	PCE
Number of Units in Package 1	1
Package 1 Height	7.500 cm
Package 1 Width	3.600 cm
Package 1 Length	9.500 cm

Package 1 Weight	247.000 g
Unit Type of Package 2	BB1
Number of Units in Package 2	6
Package 2 Height	8.000 cm
Package 2 Width	9.800 cm
Package 2 Length	22.500 cm
Package 2 Weight	1.542 kg
Unit Type of Package 3	S03
Number of Units in Package 3	66
Package 3 Height	30.000 cm
Package 3 Width	30.000 cm
Package 3 Length	40.000 cm
Package 3 Weight	17.600 kg

Contractual warranty

Warranty	18 months
----------	-----------

Environmental Data

Schneider Electric nhắm đến việc đạt được vị trí Net Zero vào năm 2050 thông qua các quan hệ đối tác chuỗi cung ứng, giảm vật liệu tác động và sự tuần hoàn thông qua chiến dịch "Use Better, Use Longer, Use Again" đang diễn ra của chúng tôi để kéo dài tuổi thọ sản phẩm và khả năng tái chế.

Dữ liệu môi trường đã giải thích >

Cách chúng tôi đánh giá tính bền vững của sản phẩm >

Ảnh hưởng môi trường

Carbon footprint (kg.eq.CO2 per CR, Total Life cycle)	41
---	----

Environmental Disclosure	Product Environmental Profile
--------------------------	---

Use Better

Vật liệu và Bao bì

Packaging made with recycled cardboard	Yes
--	-----

Packaging without single use plastic	Yes
--------------------------------------	-----

EU RoHS Directive	Compliant
-----------------------------------	-----------

SCIP Number	26ff71d1-98cf-4280-8725-455b9a6b2fb9
-------------	--------------------------------------

REACH Regulation	REACH Declaration
------------------	-----------------------------------

China RoHS Regulation	China RoHS declaration
-----------------------	--

Use Again

Đóng gói lại và tái sản xuất

Circularity Profile	No need of specific recycling operations
---------------------	--

WEEE



The product must be disposed on European Union markets following specific waste collection and never end up in rubbish bins

Take-back

No